

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Hiến.
2. Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 407/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 491/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn R, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa sơ thẩm chị Trần Thị M là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Vợ chồng tổ chức đám cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn vào ngày 13/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Điền, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hay có lời qua tiếng lại, làm cho không khí gia

đình lúc nào cũng căng thẳng. Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn R.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Huỳnh T, sinh ngày 25/10/2001 và Phạm Trọng P, sinh năm 2005. Hiện nay con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn con chung tên Phạm Thị Huỳnh T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng con chung tên Phạm Trọng P chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Phạm Văn R đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

+ Giấy khai sinh 02 con chung (bản sao).

+ Giấy CMND và SHK của chị Trần Thị M, Sổ hộ khẩu của anh Phạm Văn R (photo).

+ Tờ tự khai (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị M có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Phạm Văn R. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con*”.

Anh Phạm Văn R là bị đơn trong vụ kiện đang sinh sống ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Văn R đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh R là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M, anh R chung sống với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 13/7/2007, do đó hôn nhân giữa chị M và anh R là hợp pháp. Chị M cho

rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn hay có lời qua tiếng lại, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Do tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn R.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Phạm Văn R tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh R vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị M. Xét thấy giữa chị M và anh R không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị M yêu cầu ly hôn với anh R là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị M và anh R đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị M.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Thị Huỳnh T, sinh ngày 25/10/2001 và Phạm Trọng P, sinh năm 2005. Hiện nay con chung đang sống với cha mẹ. Khi ly hôn con chung tên Phạm Thị Huỳnh T đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng con chung tên Phạm Trọng Phúc chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho chị M hay cho anh R nuôi dưỡng là cần xem xét về điều kiện, quyền lợi mọi mặt của con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M có yêu cầu nuôi con chung tên Phạm Trọng Phúc, sinh năm 2005, không yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con. Anh M vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy từ khi chị M, anh R xảy ra mâu thuẫn đến nay, chị M là người trực tiếp chăm sóc con chung. Bên cạnh đó theo văn bản ghi ý kiến của con chung thì con chung có nguyện vọng được sống với chị M. Do đó để con chung tên Phạm Trọng Phúc, sinh năm 2005 cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Phạm Thị Huỳnh T, sinh ngày 25/10/2001 đã trưởng thành, tự lao động được nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi

con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh R không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh R không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

** Về án phí:*

Chị Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn R.

- Về con chung: Chị Trần Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phạm Trọng Phúc, sinh năm 2005. Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Phạm Thị Huỳnh T, sinh ngày 25/10/2001 đã trưởng thành, tự lao động được nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị M trình bày không có, không yêu cầu giải quyết; anh R không có ý kiến về phần tài sản chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ nên không yêu cầu giải quyết; anh R không có ý kiến đối với phần nợ chung và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007743 ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp M. Như vậy tiền án phí chị M đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HTM;
- Tòa án Tỉnh;
- UBND xã A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Văn Ngọc